

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2018

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Chí Hiếu;

Ông Nguyễn Hữu Tinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Lan Anh, là kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018, về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã T, huyện M, tỉnh Nam Định; nơi ở: Thôn V, xã D, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1980; trú tại: Thôn X, xã T, huyện M, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, có mặt chị M, vắng mặt anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: Chị M và anh Trần Văn M kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Nam Định. Do tính cách không hợp nhau nên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, từ tháng 12 năm 2012 đến nay anh M đã bỏ mặc không quan tâm đến chị

và các con. Xét thấy, vợ chồng không thể chung sống cùng nhau, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Hai người có ba con, con đầu tên là Trần Thị N, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009; con thứ hai tên là Trần Thị A, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2012 và con thứ ba sinh ngày 04 tháng 6 năm 2017, dự định đặt tên là Trần Tiến D nhưng chưa đăng ký khai sinh cho cháu. Hiện tại cả ba con đang sống với chị M. Về con chung, chị M đề nghị Tòa án giao cả ba con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có.

Tại các lời khai bị đơn anh Trần Văn M trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị M về việc kết hôn, về con chung và tài sản chung. Còn về cuộc sống vợ chồng, sau khi kết hôn, hai người sống cùng với gia đình bên chồng, được hơn một năm vợ chồng về quê ngoại ở thôn V, xã D, huyện Y, tỉnh Nam Định sinh sống. Từ năm 2015, anh thường xuyên đi làm việc xa nhà, nên không có thời gian cho vợ, con. Đến năm 2016, anh bàn bạc với chị M là gia đình chuyển về quê chồng sinh sống nhưng chị M không đồng ý nên xảy ra mâu thuẫn. Theo anh M thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không muốn ly hôn. Về con chung, anh M không ly hôn nên anh không đề cập giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M và giao cả ba con cho chị M nuôi dưỡng, về án phí ly hôn sơ thẩm chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe chị M trình bày tại phiên tòa và xem xét lời khai của anh M có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh M kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M ngày 21 tháng 11 năm 2008, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên là hôn nhân hợp pháp.

Do anh M thường xuyên đi làm việc xa nhà không có nhiều thời gian quan tâm đến gia đình nên cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, từ đầu năm 2017 đến nay, hai người đã không còn chung sống, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị M ly hôn anh M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Giữa hai người có ba con chung, con đầu tên là Trần Thị N, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009; con thứ hai tên Trần Thị A, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2012 và con thứ ba sinh ngày 04 tháng 6 năm 2017 nhưng chưa khai sinh. Chị M có nguyện vọng được nuôi cả ba con, lời khai của anh M là không ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung. Xem xét hoàn cảnh thực tế, cả ba cháu từ lúc sinh ra cho đến thời điểm này đều do chị M nuôi dưỡng, chị M chứng minh là chị có nơi ở ổn định và thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng, nguyện vọng của cháu Trần Thị N là cháu muốn được ở với mẹ, cháu thứ ba mới sinh được hơn một năm tuổi. Đối với anh M thường xuyên đi làm việc xa nhà, nên không có điều kiện để chăm sóc con chung bằng chị M. Đối với yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của chị M là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, các ba cháu sẽ được giao cho chị M nuôi dưỡng. Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu giải quyết, xét yêu cầu này của chị M là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị M và anh M đều thống nhất là không có nên không đề cập đến việc giải quyết về tài sản.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị M có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị M và anh M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 và khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2

Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị M và anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Giữa chị Trần Thị M và anh Trần Văn M có ba con chung tên là Trần Thị N, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009; Trần Thị A, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2012 và con thứ ba sinh ngày 04 tháng 6 năm 2017, tên dự định đặt là Trần Tiến D.

Giao cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung tên Trần Thị N, Trần Thị A và con thứ ba sinh ngày 04 tháng 6 năm 2017, tên dự định đặt là Trần Tiến D (Theo Giấy chứng sinh số 768/2017, quyển số 10 ngày 04 tháng 6 năm 2017 của Bệnh viện đa khoa huyện Y) cho đến khi trưởng thành hoặc khi chị Trần Thị M và anh Trần Văn M có yêu cầu khác.

Anh Trần Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải nộp án phí là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí tài sản đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000856 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh M có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã T, huyện M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường